

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ  
lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền  
giải quyết của Sở Y tế**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 56/TTr-SYT ngày 17 tháng 4 năm 2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành/bị bãi bỏ lĩnh vực an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và niêm yết, công khai tại Trung tâm hành chính công theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Y tế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / 102

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo Đắk Nông;
- Lưu: VT, TTHCC, NCKSTT.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trương Thanh Tùng**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH/BỊ BỎ LĨNH VỰC  
AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 618 /QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông)

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy nhận chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	<p><b>1. Thành phần hồ sơ:</b></p> <p>a) Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận (Mẫu số I Phụ lục I kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP);</p> <p>b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề phù hợp với loại thực phẩm của cơ sở sản xuất (có xác nhận của cơ sở);</p> <p>c) Bản thuyết minh về cơ sở vật</p>	<p><b>1. Trình tự thực hiện</b></p> <p><b>Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ</b></p> <p>Tổ chức, cá nhân sản xuất thực phẩm và kinh doanh dịch vụ ăn uống nộp hồ sơ đăng ký Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Trung tâm Hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện (gọi chung là Bộ phận Một cửa).</p> <p>Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc, Bộ phận Một cửa chuyển hồ sơ đến Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế hoặc Phòng Y tế thuộc UBND cấp huyện (gọi chung là cơ quan thực hiện).</p> <p><b>Bước 2: Xử lý hồ sơ</b></p> <p>Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan thực hiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho cơ sở trong thời hạn 4,5 làm việc ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp quá 30 ngày kể từ khi nhận</p>	<p><b>+ Phí:</b></p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất nhỏ lẻ được cấp giấy nhận chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 500.000 đồng /lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở sản xuất khác được giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 2.500.000 đồng/lần/cơ sở</p>	<p>1. Luật An toàn phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội.</p> <p>2. Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.</p>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	<p>chất, trang thiết bị dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.</p> <p>d) Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế tuyến huyện trở lên cấp.</p> <p>e) Danh sách người sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm có xác nhận của chủ cơ sở.</p> <p><b>2. Số lượng hồ sơ:</b> 01 bộ hồ sơ cho một lần cấp Giấy chứng nhận</p>	<p>được thông báo, cơ sở không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo yêu cầu thì hồ sơ của cơ sở không còn giá trị. Tổ chức, cá nhân phải nộp hồ sơ mới để được cấp Giấy chứng nhận nếu có nhu cầu.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, cơ quan thực hiện có trách nhiệm thành lập đoàn thẩm định hoặc ủy quyền thẩm định và lập Biên bản thẩm định theo Mẫu số 2 Phụ lục I kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP trong thời hạn 14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp ủy quyền thẩm định cho cơ quan có thẩm quyền cấp dưới thì phải có văn bản ủy quyền;</p> <p>Đoàn thẩm định do cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận hoặc cơ quan được ủy quyền thẩm định ra quyết định thành lập có từ 3 đến 5 người. Trong đó có ít nhất 02 thành viên làm công tác về an toàn thực phẩm (có thể mời chuyên gia phù hợp lĩnh vực sản xuất thực phẩm của cơ sở tham gia đoàn thẩm định cơ sở).</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định đạt yêu cầu, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả thẩm định, cơ quan thực hiện cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 155/2018/NĐ-CP.</p>	<p>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Phức vụ dưới 200 suất ăn: 700.000 đồng /lần/cơ sở</p> <p>- Đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống: Phức vụ từ 200 suất ăn trở lên: 1.000.000 đồng /lần/cơ sở</p> <p>+ <b>Lệ phí:</b> Không</p>	<p>3. Quyết định số 135/QĐ-BYT ngày 15/01/2019 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính mới ban hành trong vùng an toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế</p> <p>4. Thông tư 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh</p>	

STT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>Trường hợp kết quả thẩm định tại cơ sở chưa đạt yêu cầu và có thể khắc phục, đoàn thẩm định phải ghi rõ nội dung, yêu cầu và thời gian khắc phục vào Biên bản thẩm định với thời hạn khắc phục không quá 30 ngày.</p> <p>Sau khi có báo cáo kết quả khắc phục của cơ sở, Đoàn thẩm định đánh giá kết quả khắc phục và ghi kết luận vào biên bản thẩm định. Trường hợp kết quả khắc phục đạt yêu cầu sẽ được cấp Giấy chứng nhận theo quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều 6 Chương III của Nghị định 155/2018/NĐ-CP. Trường hợp kết quả khắc phục không đạt yêu cầu thì cơ quan thực hiện thông báo kết quả thẩm định cơ sở không đạt yêu cầu bằng văn bản cho cơ sở và cho cơ quan quản lý địa phương;</p> <p>Trường hợp kết quả thẩm định không đạt yêu cầu, cơ quan thực hiện thông báo bằng văn bản cho cơ quan quản lý địa phương giám sát và yêu cầu cơ sở không được hoạt động cho đến khi được cấp Giấy chứng nhận.</p> <p>Trường hợp thay đổi tên của doanh nghiệp hoặc/và đổi chủ cơ sở, thay đổi địa chỉ nhưng không thay đổi vị trí và quy trình sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống và Giấy chứng nhận phải còn thời hạn thì cơ sở gửi thông báo thay đổi thông tin trên Giấy chứng nhận và kèm bản sao văn bản hợp pháp thể</p>		<p>Thực phẩm</p> <p>5. Thông tư 117/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2018 sửa đổi, bổ sung, một số điều của Thông tư số 279/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn vệ sinh thực phẩm</p>



STT	Tên thủ tục hành chính	Thành phần, số lượng hồ sơ	Trình tự thực hiện, Thời hạn giải quyết	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			<p>hiện sự thay đổi đó đến Bộ phận Một cửa qua đường bưu chính hoặc trực tiếp.</p> <p><b>Bước 3: Trả kết quả</b></p> <p>Cơ quan thực hiện chuyển kết quả cho Bộ phận Một cửa để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân.</p> <p><b>2. Thời hạn thực hiện:</b> 20 ngày làm việc kể từ lúc nhận được hồ sơ hợp lệ</p>		

### B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẢO BẢO

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	B-BYT-286621-TT	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014. B-BYT-286621-TT	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế
2	B-BYT-286620-T	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế
3	B-BYT-286619-TT	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn	Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
		<p>ống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 2 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014</p>	<p>điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>
4	B-BYT-286618-TT	<p>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống cho các đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 5 Thông tư 47/2014/TT-BYT ngày 11 tháng 12 năm 2014</p>	<p>Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>
5	B-BYT-258737-TT	<p>Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân</p>	<p>Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>
6	B-BYT-258729-TT	<p>Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức</p>	<p>Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>
7	B-BYT-229910-TT	<p>Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền Sở Y tế</p>	<p>Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>
8	B-BYT-229911-TT	<p>Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế</p>	<p>Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế</p>

**Tổng số:**

- 01 TTHC mới ban hành;
- 08 TTHC bị bãi bỏ.